

TÌM HIỂU CÁCH SÁNG TẠO VÀ SỬ DỤNG CỤM TỪ MANG TÍNH THÀNH NGỮ MỚI TRÊN BÁO CHÍ (Từ năm 2000 đến nay)

NGÔ THỊ THU HƯƠNG*

1. Mở đầu

1.1. Ngôn ngữ luôn vận động, biến chuyển không ngừng để đáp ứng nhu cầu ngày một lớn của xã hội (nhu cầu cần biểu đạt các khái niệm, sự vật mới xuất hiện gắn liền với mong muốn biểu đạt các thuộc tính của nó). Thành ngữ là một đơn vị của kho từ vựng ngôn ngữ, vì thế nó cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Có nhiều cách hiểu về thành ngữ, hầu hết đều cho rằng đó là những cụm từ vừa có tính ổn định, cố định về thành phần từ vựng và cấu trúc; vừa có tính hoàn chỉnh và bóng bẩy về nghĩa [5], được dùng với chức năng như từ, mệnh đề trong câu [8].

Trên thực tế đã xuất hiện một loại đơn vị giáp ranh giữa cụm từ tự do và thành ngữ, được sử dụng như một dạng biến thể (nhưng không phải là biến thể) của thành ngữ trong câu/phát ngôn. Những đơn vị này, mặc dù tính thành ngữ không cao (độ ổn định về cấu trúc, tính hoàn chỉnh về ngữ nghĩa) so với thành ngữ điển hình, nhưng chúng lại có tính thời sự, phản ánh đúng thực tế tại thời điểm sử dụng.

Vì thế, chúng tôi chọn những cụm từ có tính thành ngữ mới xuất hiện trong những năm gần đây (từ

năm 2000 đến nay) làm đối tượng khảo sát với những hướng tiếp cận sau: 1) Hình thức (số tiếng); 2) Cơ chế cấu tạo; 3) Nguồn gốc; 4) Kiểu cấu tạo, 5) Tần số xuất hiện của các cụm từ mang tính thành ngữ để thấy được sự sáng tạo và sử dụng chúng trên báo chí nói riêng và trong tiếng Việt nói chung.

1.2. Từ 1182 trang báo (gồm nhiều thể loại báo khác nhau), chúng tôi lựa chọn được 207 cụm từ mang tính thành ngữ được coi là mới (theo cảm nhận của người bản ngữ). Chúng tôi tiến hành đối chiếu với một số quyển từ điển thành ngữ tiếng Việt đã xuất bản trước đây như: *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam* (Vũ Dung, Vũ Thuý Anh, Vũ Quang Hào, 1995); *Từ điển Thành ngữ và tục ngữ Việt Nam* (Nguyễn Lâm, 1989); *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ Việt Nam* (Hoàng Văn Hành, 1994); *Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt* (Nguyễn Như Ý, 1995); sau khi loại đi những cụm từ trùng lặp với những cuốn từ điển này, chúng tôi lựa chọn được 174 cụm từ chưa từng xuất hiện trong các từ điển trên,

.....

* Viện Phát triển bền vững vùng Trung Bộ.

thí dụ: *ăn bánh trả tiền, hậu cổ bạc kim, tầm hoa gheo bướm...* và những cụm từ có sự khác biệt về nghĩa, về một hoặc một số thành tố với những thành ngữ đã xuất hiện trước đây, thí dụ: *com gà cá gờ, mang chuông đi đánh nước ngoài, liệu com không gấp nổi mắt, v.v..*

2. Phân loại và miêu tả

2.1. Cụm từ mang tính thành ngữ xét về mặt hình thức (số tiếng)

2.1.1. Cụm từ mang tính thành ngữ có số tiếng chẵn (4, 6 và 8 tiếng)

Có 130/ 174 (chiếm 74,7%) cụm từ mang tính thành ngữ có số tiếng chẵn, thí dụ: *ăn bánh trả tiền, hậu cổ bạc kim, đức trọng đạo cao, bình ong tương ốc, làm phải có mẹo, dẻo phải có...*, trong các ngữ cảnh sau:

1) *Anh Thuyền mặt vẫn không biến sắc thủng trắng: - Thằng tù đù con diêm, chúng ta bình đẳng, sông phẳng, ăn bánh trả tiền khỏi lảng nhảng* (Văn nghệ quân đội (VNQĐ), tháng 4/ 2007, tr.35).

2) *Đa phần “dế nhái” có vỏ máy và hộp phụ kiện “y chang” hàng xịn nên một số cửa hàng thường “lạnh tay lẹ mắt” trao đổi phụ kiện với máy “zin” của khách đến bảo trì, bảo dưỡng* (Sài Gòn giải phóng (SGGP), số ngày 17/ 5/ 2008, tr.12).

Những cụm từ thuộc loại này thường có sự cân xứng về âm và nghĩa, chẳng hạn như: *ăn bánh/ trả tiền, hậu cổ/ bạc kim, đức trọng/ đạo cao, v.v..*

Tuy nhiên, cũng có một số ngoại lệ khi cụm từ có số tiếng chẵn đơn giản chỉ là sự kết hợp một cách ngẫu nhiên của các thành tố, thí dụ như: *ghét như xúc đất đổ đi, liệu com không gấp nổi mắt, v.v. trong các ngữ cảnh:*

3) *Một khi đã có một chút nghi ngờ gì thì Xử Nữ sẵn sàng liệt bạn vào danh sách tình bạn để vỡ ngay. Và nếu ghét ai, Xử Nữ sẽ ghét như xúc đất đổ đi* (Sinh viên (SV) số 98, 1/ 9/ 2007, tr.43).

4) *Phát tờ rơi, đứng ở ngã ba ngã tư lơ ngơ xe tông gãy chân, bươu đầu mẻ trán, sẹo nhặng nhịt có mà ế vợ. Làm gia sư thì kiến thức sinh viên nông quá, chưa có phương pháp sư phạm. Liệu com không gấp nổi mắt* (VNQĐ số 4/ 2007, tr.70.).

2.1.2. Những cụm từ mang số tiếng lẻ (3, 5, 7, 9 tiếng)

Có 44/ 174 (chiếm 25,3 %) cụm từ mang tính thành ngữ có số tiếng lẻ, có thể là những cụm từ so sánh trực tiếp, có từ so sánh như, *đến, hơn, v.v.* trong các cụm từ: *rẻ như cho, buồn thiu như đưa đám, xấu đến ma chê quỷ hờn, v.v.* hoặc có thể là những cụm từ so sánh ngầm - miêu tả ẩn dụ, chẳng hạn *lơ ngơ con nai tơ, nước đục mới có cá, v.v.* trong các ngữ cảnh sau:

5) *Niềm hạnh phúc xen lẫn những hi vọng còn in đậm trên khuôn mặt lơ ngơ con nai tơ của những tân sinh viên* (SV, Số 91, tr.4).

6) *Chị họ tôi ở Vân Đình, Hà Tây cười như hoa và tự hào đồ cả mặt khi bất cứ ai tới nhà tham quan cái toilet.* (Lao động (LĐ), Số ra ngày 19/ 8/ 2007, tr.11).

Tóm lại, xét về hình thức cấu tạo, chúng tôi thấy những cụm từ có số tiếng chẵn chiếm tỉ lệ áp đảo so với những cụm từ mang số tiếng lẻ. Điều này thể hiện xu hướng cấu tạo cụm từ mang tính thành ngữ có cấu tạo thiên về số tiếng chẵn, cân đối, nhịp nhàng và hài hòa cả về âm lẫn nghĩa.

2.2. Cụm từ mang tính thành ngữ xét về cơ chế cấu tạo

2.2.1. Cụm từ so sánh trực tiếp

Có 58/ 174 cụm từ so sánh trực tiếp, chiếm 33.33% trên tổng số các cụm từ được khảo sát, trong đó:

a) Cụm từ so sánh ở mức ngang bằng

Những cụm từ thuộc loại này có 53/ 58 cụm từ, chiếm 91,37%, gồm các mô hình sau:

- A như B: Thí dụ: *tươi như hoa, đẹp như thêu hoa dệt gấm, vui như mở hội, tỉnh như ruồi, nhỏ như con thỏ*, v.v. trong ngữ cảnh:

7) *Cứ tỉnh như ruồi một giọng nói “không thể bình thường hơn” đi nào. Gặp cục nước đá được vùi bữa là chàng ta nản ngay!* (SV, số 91, 15/ 5/ 2007, tr.35).

8) *Tưởng gì, chuyện đó với chàng nhỏ như con thỏ* (Quân đội nhân dân cuối tuần (QĐNDCT), 12/ 8/ 2007, tr.13).

9) *Thấy tôi từ chối, anh chàng mũ cối ném bịch túi gạo xuống đất, chữi đồng: “Lão già sĩ bộ. Mẹ kiếp. Hôm nay ngày gì mà đen như chày* (Nhân dân cuối tuần (NDCT) số ngày 5/8/2008, tr.5).

- (A) như B: Thí dụ: *(bẩn) như lợn, (yêu, học) như điên, (đông, nhiều) như quân Nguyên*, v.v. trong ngữ cảnh sau:

10) *Trong dân gian có những câu mắng hoặc ví: ăn như lợn, ngu như lợn, bẩn như lợn...* (VNQĐ tháng 2/2007, tr.190).

11) *Thơ 2006 đúng là “nhiều như quân Nguyên”, “đông như quân Nguyên”. Ai mà biết được trong năm nay đã có biết bao nhiêu tập thơ, bao nhiêu câu lạc bộ thơ được ra đời* (VNQĐ số 2/2007, tr.159).

Nếu như trước đây muốn biểu đạt một thuộc tính, người ta thường chỉ so sánh một cách chung chung: *trắng như tuyết, đỏ như son, xanh như mạ, nổi như cồn*, v.v. thì giờ đây những cụm từ thuộc loại này lại chi tiết hoá, cụ thể hoá các thuộc tính cần biểu đạt: *xanh rờn như mạ, tái xám như chì, trắng muốt như tuyết, buồn thiu như đưa đám, nổi tiếng như cồn, đẹp như trong mơ*, v.v.. Những cụm từ này dường như đã xóa nhòa ranh giới thành ngữ, đi vào thực tế đời sống hơn. Có lẽ đây cũng là một xu hướng không chỉ ở thành ngữ mà còn ở một số cấp độ ngôn ngữ khác, đang được sử dụng thực tế hiện nay.

b) Cụm từ so sánh ở mức không ngang bằng

Từ dùng để so sánh trong các thành ngữ có ý nghĩa so sánh của tiếng Việt phổ biến là từ *như*; còn những từ so sánh khác, chẳng hạn: *tựa, tựa như, như thể, bằng, tày*, v.v. (*giương tày liếp, tội tày đình, cưới không bằng lại mặt...*) chỉ xuất hiện hết sức ít ỏi [6]. Ở đây cũng vậy, những cụm từ có từ so sánh không phải là *như* xuất hiện ít: 5/ 58 cụm từ, chiếm 8,6% thường chỉ so sánh không ngang bằng (so sánh bậc hơn hoặc có sự chuyển dịch từ thấp đến cao): *hoá (rẻ quá hoá đắt), hơn (đắt hơn vàng, ngọt hơn mía lùi, cho cần câu hơn râu cá), đến (xấu đến ma chê quỷ hờn)* v.v. trong ngữ cảnh:

12) *Kỳ Duyên không biết thực ra mình có xinh hay không? Người ta cứ truyền nhau cô xinh. Chị Ban bảo cô xấu đến ma chê quỷ hờn* (VNQĐ tháng 4/2007, tr.47).

13) *Nếu chọn cho mình một cái túi, một cái áo hay một cái mũ chỉ với 100.000 đồng trở xuống mà lại đã hết “mốt” và chất lượng kém thì rẻ quá hoá*

đất (Hà Nội mới cuối tuần (HNMCT), số ra ngày 18/ 8/ 2007, tr.16).

2.2.2 Cụm từ miêu tả ẩn dụ

Có 116/ 174 cụm từ miêu tả ẩn dụ, chiếm 66,6 % trên tổng số các cụm từ được khảo sát, trong đó:

a. Cụm từ miêu tả ẩn dụ nêu một sự kiện

Có 46/ 116 cụm từ miêu tả ẩn dụ nêu một sự kiện, chiếm 39,7%, thí dụ: *tay không bắt giặc, lọt sàng xuống đất, đánh đòn có địch*, v.v. trong ngữ cảnh:

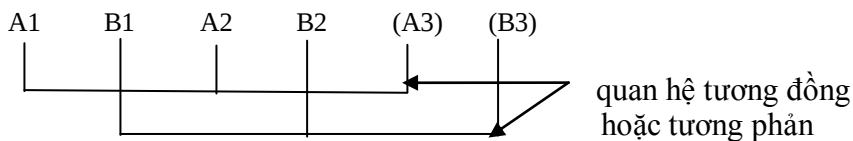
14) *Cũng do sự đầu tư theo kiểu tay không bắt giặc “tranh thủ” và phong trào, gọi là dự án nhà nhưng chủ yếu là bán đất phân lô, là nguồn thu duy nhất để sinh lời và để chi trả các khoản nợ [...] nên không phải dự án nào cũng làm ăn hiệu quả* (Công an nhân dân (CAND), Số ngày 16/ 8/ 2007, tr.6)

15) *Nhiều phụ huynh bức xúc: cắt giảm một nửa NV (nguyện vọng)*

cũng là giảm cơ hội đậu của HS xuống chỉ còn 50%. Vậy nên để giảm thiểu cảnh lọt sàng xuống... đất, năm nay Sở GD - ĐT TP HCM đưa thêm một cái “nia” nữa tăng thêm cơ hội cho HS. Vậy nhưng, với 3 NV liệu có đủ? (SGGP thứ 7, tr. 42)

b. Cụm từ miêu tả ẩn dụ nêu hai (hoặc ba) sự kiện

Có 70/ 116 cụm từ miêu tả ẩn dụ nêu hai (hoặc ba) sự kiện, chiếm 60,3%, thí dụ như: *đổi táo lấy mận, quen tai nhãn mất, tầm hoa ghẹo bướm, dò đầu bịt đáy, chăn êm nệm ấm, già không bỏ nhỏ không tha diva cũng không chừa...* Trong đó 100% các cụm từ cấu tạo theo mô hình: A1B1A2B2(A3B3), với các cặp thành tố A1, A2 (hoặc A3) hay B1, B2 (hoặc B3) cùng trong một trường nghĩa, các nét nghĩa của chúng có thể tương đồng hoặc tương phản với nhau:



Xét các thí dụ:

16) *Bình ong tướng ốc* trong ngữ cảnh:

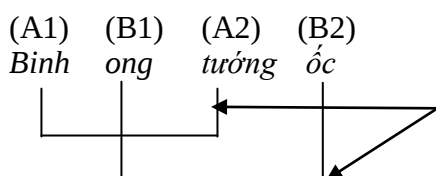
Nhưng phải đến Ngày Thơ được tổ chức vào tết Nguyên tiêu (rằm tháng Giêng năm Tuất) thì Thơ mới chính thức khai hoả “tuyên chiến” với các thể loại khác kể cả với “anh truyện ngắn” đang chiếm chế ngôi đầu của văn học nước nhà và mấy “chả” phê bình dẫu là bình ong tướng ốc nhưng lúc nào cũng coi trên đầu mình chỉ có mỗi cái... vung (VNQĐ, tháng 2/ 2007, tr.157).

Ta thấy: "Bình d. (Kết hợp hạn chế). Quân lính, quân đội. *Bình hùng, tướng mạnh. Toà án binh; tướng* I d. 1. Quan võ cầm đầu một đạo quân thời trước; *ong d.* Sâu bọ cánh màng, có ngòi đốt ở đuôi, thường sống thành đàn, một số loài hút mật hoa để làm mật; *ốc* 1. Động vật thân mềm có vỏ cứng và xoắn, sống ở nước hoặc ở cạn, thịt ăn được" [3].

Xét về mặt ngữ nghĩa, cả *bình* và *tướng* đều nằm trong trường nghĩa thuộc về quân đội: *bình* - những người có cấp hàm thấp, *tướng* - chỉ những

người có cấp hàm cao trong quân đội. Nghĩa của chúng là sự kết hợp cả binh lẫn tướng, từ những người có cấp bậc thấp đến người có cấp bậc cao. Cũng như vậy, *ong* và *óc* đều trong một trường nghĩa và có nét nghĩa tương đồng với nhau: đều là những sinh vật nhỏ bé.

Khi kết hợp 4 thành tố trên lại với nhau, ý nghĩa của chúng không



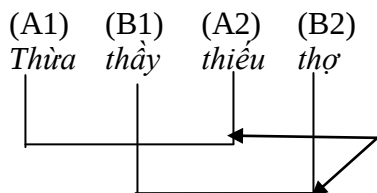
quan hệ tương đồng:
ong/ óc, binh/ tướng

Tương tự như 16), các cụm từ như: *đường ăn nét ở, chấn ẩm gối êm, xống áo mũ măng, tầm hoa ghẹo bướm, lanh tay lẹ mắt, v.v..*

17) *Thừa thầy thiếu thợ* trong ngữ cảnh:

Khoá học nghề thường không kéo dài quá 2 năm và công việc thì gần như được đảm bảo 100%. Việt Nam vốn thừa thầy thiếu thợ mà (SV, số 99 ngày 19/ 9/ 2007, tr.13).

Ta thấy: "*Thầy* d. 2. Người có trình độ hướng dẫn, dạy bảo (hàm ý



coi trọng). *Bạc thầy; thợ* d. Người lao động chân tay làm một nghề nào đó để lấy tiền công; *thừa*: có hoặc đạt số lượng trên mức cần thiết; trái với thiếu; *thiếu*: có hoặc chỉ đạt số lượng hay dưới mức cần thiết, dưới mức yêu cầu" [3].

Như vậy *thầy* và *thợ* đều nằm trong một trường nghĩa chỉ người lao động; *thừa* và *thiếu* đều nằm trong trường nghĩa chỉ mức độ nhưng giữa chúng sự tương phản rõ ràng về bản chất và được mô hình hoá như sau:

quan hệ tương phản:
thầy/ thợ, thừa/ thiếu

Tương tự như 17) có các cụm từ như: *đổi đào lấy mặn, dò dàu bịt đấy, hậu cổ bạc kim, thừa thầy thiếu thợ, v.v..*

2.3. Cụm từ mang tính thành ngữ xét về mặt nguồn gốc

2.3.1. Cụm từ mang tính thành ngữ có các yếu tố thuần Việt*:

.....
* Trong chất liệu nói của người Việt, tất nhiên có cả những yếu tố có nguồn gốc từ các tiếng Môn-Khmer, Thái, Mường... nhưng ở đây chúng tôi không nói đến những nguồn gốc xa xưa đó.

Chúng tôi thống kê được 131/ 174 (chiếm 75,28 %) cụm từ mang tính thành ngữ chứa các yếu tố thuần Việt. Điều này cho thấy từ ngữ gốc Việt vẫn là chất liệu chủ yếu trong việc cấu tạo nên các cụm từ có tính cố định. Chẳng hạn như: *vắt mũi bỏ miệng, gạo tui com niêu, buồn thiu như đũa đám, xanh rờn như mạ, thấp bé nhẹ cân, nhìn trước ngó sau, nhỏ như con thỏ, bơi gio trát trấu, ẹo như bún, nước đục mới có cá,...*

Đồng thời, trong sự kết hợp giữa các yếu tố thuần Việt với nhau, có sự kết hợp của tiếng Việt phổ thông với phương ngữ tiếng Việt, thí dụ như: *chắc như bấp (ngó), lấy công làm lời (lãi)* trong ngữ cảnh:

18) *Với cách chiếm lĩnh thị trường bằng nguyên tắc lấy công làm lời “người nhà quê” đã cho người Sài Gòn biết đến một phương cách kinh doanh mới: mua tận gốc, bán tận ngọn, không hề có khâu trung gian, ăn bớt ăn xén.* (SGGP, số ra ngày 4/ 11/ 2007, tr.39).

2.3.2. Cụm từ mang tính thành ngữ có các yếu tố ngoại lai

Vay mượn là điều tất yếu trong mỗi một ngôn ngữ, tiếng Việt cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Kết quả của sự vay mượn có thể là vay mượn hoàn toàn hoặc vay mượn bộ phận. Theo tư liệu của chúng tôi, có 43/ 174 (chiếm 24,7%) cụm từ chứa các yếu tố vay mượn, chủ yếu là từ nguồn Hán (theo cách đọc Hán Việt) và nguồn Ấn Âu.

a. Cụm từ mang tính thành ngữ có các yếu tố Hán Việt

Có 41/ 43 cụm từ chứa các thành tố có nguồn gốc Hán Việt, chiếm 95,34 % trên tổng số các cụm từ có nguồn gốc

ngoại lai mà chúng tôi thu thập được. Trong đó:

Sử dụng hoàn toàn các yếu tố Hán Việt để tạo thành cụm từ mang tính cố định, thí dụ: *đức trọng đạo cao, hậu cổ bạc kim, phi đại học bất thành nhân, tâm phục khẩu phục,...*

Xét cụm từ *hậu cổ bạc kim*, trong ngữ cảnh:

19) *Có người nói với tôi là Thăng Long đã nghìn năm tuổi, có 4 triệu đại gắn với Thăng Long. Vậy có nên chăng khi tổ chức các sự kiện các công trình nên tránh xu hướng hậu cổ bạc kim?* (HNMCT 18/8/2007, tr.2)

Theo từ điển Hán Việt: *hậu* với nghĩa là: "dày, trái với chữ bạc"; *cổ*: "đời xưa"; *bạc*: "mỏng mảnh, trái với chữ hậu"; *kim*: "hiện nay" [1]. Nghĩa của cả cụm từ: "coi trọng những giá trị thuộc về xa xưa, coi nhẹ những giá trị hiện đại".

Hay cụm từ: *đức trọng đạo cao* trong ngữ cảnh:

20) *Đặc biệt là cái đảm quan chức nhà nước có mẽ ngoài đức trọng đạo cao cho đến các chủ thầu xây dựng cán bộ ngân hàng, đảng viên, thương gia... mang tiền chùa đi đánh bạc* (VNQĐ tháng 4/2007, tr.113).

Ta thấy: "*đức* với nghĩa là: đạo lí làm người; *trọng*: nặng - tôn kính; *đạo*: lẽ; *cao*: cao" [1]. Nghĩa của cả cụm từ: (người) có tri thức, thường chỉ người có vị trí cao trong xã hội, được mọi người tôn kính.

Kết hợp yếu tố Hán Việt với yếu tố thuần Việt để tạo thành cụm từ mang tính cố định, thí dụ: *chân bại danh liệt (thân bại danh liệt), khó phân thắng bại (bất phân thắng bại, bất phân thắng phụ),...* trong các ngữ cảnh:

21) *Giữa lúc khó phân thắng bại, bà chủ đi chợ về đến nhà* (VNQĐ tháng 1/ 2007, tr.117).

21) *Anh cười đáp lại: - Bậy gì, tình yêu không biên giới, không tuổi tác, tình yêu là bất diệt, sẵn sàng chiến đấu đến chân bại danh liệt, không biết yêu chỉ có thiệt* (VNQĐ tháng 4/ 2007, tr.31).

b. Cụm từ mang tính thành ngữ có các yếu tố gốc Âu Mỹ

Theo tư liệu của chúng tôi, có 2/ 43 cụm từ xuất hiện yếu tố Âu Mỹ, chiếm 4,65% trên tổng số các cụm từ được khảo sát. Trong đó các yếu tố gốc Âu Mỹ kết hợp với các yếu tố Việt, yếu tố Hán Việt một cách nhuần nhuyễn. Thí dụ: *hoạt động như ti vi, tan như bong bóng xà phòng*,... trong ngữ cảnh:

22) *Tai bạn phải chịu được cái mồm liên tục hoạt động như ti vi của Nhân Mã* (SV số 98, tr.43).

2.4. Một số kiểu cấu tạo cụm từ cố định mới

2.4.1. Dựa trên mô hình cấu tạo có sẵn (A như B, (A) như B, A1B1A2B2, A1B1A2B2A3B3,...)

Thí dụ: *đen như cháy, rẻ như cho, như quân Nguyên, như nắm sau mưa, tầm hoa ghẹo bướm, quen tai nhẵn mặt, vừa đá bóng vừa thổi còi*,... trong ngữ cảnh:

23) *Có những nhà khoa học tuổi đã ngoại ngũ tuần, nhưng vẫn còn rất “xuân sắc”, ngoài những công việc khoa học “khô cứng” ra, những nhà khoa học này cũng rất thích tầm hoa ghẹo bướm. Đây chính là điểm yếu nhất của các nhà khoa học khiến họ bị rơi vào tròng của các nữ gián điệp*

xinh đẹp (QĐNDCT số ra ngày 12/ 08/ 2007, tr.12)

2.4.2. Đảo trật tự các thành tố

Thí dụ: *bong không xôi hồng ← xôi hồng bong không, thừa chết thiếu sống ← thừa sống thiếu chết*,... trong ngữ cảnh sau:

24) *Trăm năm tính chuyện với nhau phải dò/ Cả tin mà vội đắm dò/ Bong không xôi hồng nằm co một mình* (HNM 26/8/2007 tr.5).

2.4.3. Thay một hoặc một vài thành tố cấu tạo

Thí dụ: *Cơm gà cá gỏi ← cơm gà cá gỡ; thân bại danh liệt ← chân bại danh liệt, ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau ← cán bộ đi trước, làng nước theo sau*,... trong ngữ cảnh sau:

25) Anh Thuyền nói: “Ngày trước thợ mộc làm nhà thì cơm gà cá gỡ, người nhà phục vụ từ cái tắm. Còn giờ, cha nó, chui vào tận đây mà vẫn không yên” (VNQĐ, tháng 4/2007, tr. 34).

Tuy nhiên những đơn vị thuộc loại này đã cụ thể hoá quá mức những thành ngữ đã xuất hiện nên mặc dù có tác dụng nhấn mạnh trong từng hoàn cảnh cụ thể chưa có khả năng khái quát hoá cao như một thành ngữ/ biến thể của thành ngữ điển hình.

2.4.4. Dùng ẩn tượng âm thanh để tạo nên các cụm từ mới mang tính thành ngữ nhằm mục đích gây cười, hài hước vui vẻ là chính, thường không chú ý đến lô gích của nội dung

Thí dụ: *ngon lành cành đào, nhỏ như con thỏ, vô tư như thỏ, lơ ngơ con nai tơ, ngơ ngơ ngác ngác như hươu*

gạc, ngây thơ như quả mơ,... trong ngữ cảnh:

26) *Trong khi cô bạn tôi còn đang ngây thơ như quả mơ chưa hiểu gì thì chị ấy đã cười và “bôi” thêm những lời dễ đi vào lòng người* (SV 15/ 9/ 2007, tr.5).

27) *Niềm hạnh phúc xen lẫn những hi vọng còn in đậm trên khuôn mặt lơ ngơ con nai tơ của những tân sinh viên* (SV 15/9/2007, tr.4).

Những cụm từ thuộc loại này mang phong cách hài hước dí dỏm, sôi nổi, trẻ trung nên chỉ lưu hành trên một số tờ báo nhất định (Hoa học trò, SV) và được bạn đọc của báo đã *hiểu* và *sử dụng* chúng trên kênh thông tin riêng của tuổi teen.

2.4.5. Thêm, bớt các thành tố của những cụm từ cố định có từ trước

Thí dụ: *liệu com gấp mắt ← liệu com không gấp nổi mắt; tiếng lành đồn xa ← tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa...* trong các ngữ cảnh sau:

28) *Những ngày đầu người đến khám chữa bệnh chỉ là bà con trong xã nhưng rồi tiếng lành đồn xa người dân từ các vùng lân cận như Quỳnh Bảng, Quỳnh Phương, Mai hùng, Quỳnh Xuân cũng tìm đến* (Nhân dân cuối tuần (NDCT) 5/ 8/ 2007, tr.7).

2.4.6. Tạo thêm các cụm từ mới trên cơ sở “nâng cấp” của các cụm từ cố định đã xuất hiện

Thí dụ: *trên đầu có mỗi cái vung ← coi trời bằng vung, nước đục mới có cá ← thừa nước đục bỏ câu,...* trong ngữ cảnh sau:

29) *Ông Trần Bình Sự vừa kiêm vị trí HLV trưởng thay ông Vương*

Tiến Dũng đã mạnh mẽ tuyên bố cứng: “Tôi tin Hoà Phát sạch”. Lời tuyên bố ấy khác hẳn với việc ra đi của ông Dũng vì ngán ngẩm với cảnh nước đục mới có cá (Lao động cuối tuần (LDCT), 12/ 8/ 2007, tr.22).

2.4.7. Sử dụng các câu nói nổi tiếng, các câu chuyện có tính chất phổ biến cao

Thí dụ: *Bao giờ cho đến tháng mười* (tên một tác phẩm điện ảnh chỉ sự mong chờ lâu), *lợn cưới áo mới* (tên một câu chuyện cười - chỉ sự khoe khoang một cách kệch cỡm), *cuốn theo chiều gió* (tên một tác phẩm văn học và điện ảnh nổi tiếng thế giới), *thường thường bậc trung* (trong một câu thơ của *Truyện Kiều*),...

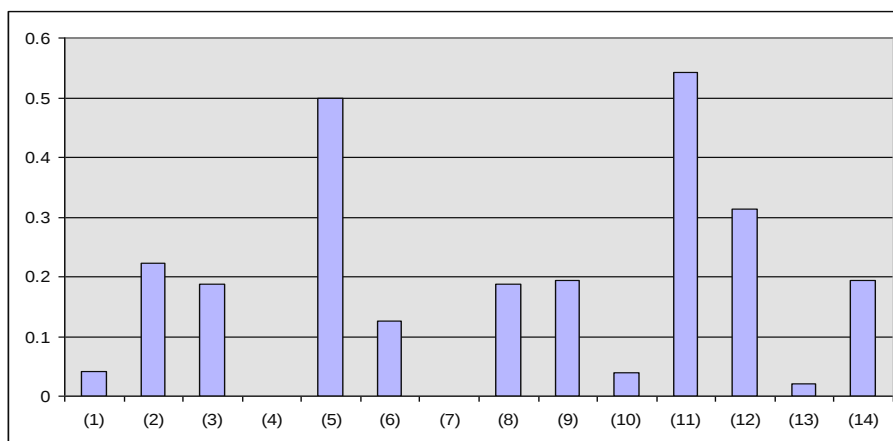
Xã hội phát triển, có sự giao lưu giữa các nền văn hoá với nhau, ngày càng có nhiều những tác phẩm văn hoá được du nhập vào Việt Nam và ngược lại. Lợi dụng sự phổ biến của những tác phẩm đó, người nói cố ý vận dụng vào cách nói của mình, làm phong phú thêm hình thức diễn đạt. Tuy nhiên những cụm từ thuộc loại này bị hạn chế phần nào bởi không phải ai cũng biết, hiểu và cảm nhận hết sự tinh túy của cụm từ mang những tích, truyện trên.

Tóm lại, những cụm từ mới mang tính thành ngữ, ngoài chức năng thông thường còn mang đậm sắc thái biểu cảm mới và lạ, cho thấy nhu cầu biểu đạt, mô tả sự vật - hiện tượng đơn thuần không phải là điều thiết yếu, mà chính những sắc thái mới và lạ kia mới là đối tượng để người sử dụng lựa chọn.

2.5. Tần số xuất hiện của các cụm từ mang tính thành ngữ mới

Có thể hình dung được tình hình sáng tạo sử dụng cụm từ mang tính

thành ngữ mới trên báo chí qua tần số xuất hiện của chúng trong biểu đồ sau:



(1) - LĐ; (2) - LĐCT; (3) - CAND, (4) - QĐND; (5) - QĐNDCT; (6) - VNQĐ; (7) - Nhân dân, (8) - NDCT; (9) - SGGP; (10) - SGGP thứ 7; (11) - Hà Nội mới ; (12) - HNMCT; (13) - Hoa học trò; (14) - SV

Về bản chất, thành ngữ được dùng với nghĩa bóng bẩy, mang giá trị biểu cảm cao nên dễ dàng nhận thấy cụm từ mang tính thành ngữ mới không xuất hiện trên một số đầu báo đặc thù (4) và (7) nhưng lại xuất hiện nhiều trên những tờ báo cuối tuần, báo gắn liền với đời sống thường ngày, mang tính văn nghệ, giải trí là chính ((2) so với (1); (5), (6) so với (4); (8) so với (7)).

Tuy nhiên, cũng có ngoại lệ khi các cụm từ mang tính thành ngữ xuất hiện trên các số báo thường nhật nhiều hơn các số báo cuối tuần ((9) so với (10), (11) so với (12)). Điều này cho thấy các cụm từ mang tính thành ngữ được sử dụng một cách linh hoạt mà không phụ thuộc hoàn toàn vào tính chất chung của tờ báo.

Ngoài ra, chúng tôi cũng nhận thấy có sự khác biệt nhau về tần số

xuất hiện của các cụm từ mang tính thành ngữ ở từng mảng cụ thể, thí dụ như, cùng nằm trong lực lượng vũ trang nhưng báo (3) sử dụng cụm từ mang tính thành ngữ còn (4) thì không thấy xuất hiện, cùng phục vụ đối tượng là người đi học nhưng cụm từ mang tính thành ngữ được sử dụng nhiều ở báo (14) hơn báo (13),...

3. Kết luận

Tóm lại, cụm từ mang tính thành ngữ mới xuất hiện trên một số tờ báo vừa mang những tính chất chung, tiêu biểu cho hướng phát triển của thành ngữ tiếng Việt vừa mang đậm những nét riêng của mỗi một tờ báo: báo ngày khác với báo cuối tuần, báo chính luận khác với báo văn nghệ, giải trí, báo của lứa tuổi học sinh khác với báo của lứa tuổi thanh niên,... tự làm phong phú cho mình nhờ các kiểu cấu tạo linh hoạt trên những yếu tố có sẵn là chính, có sự vay mượn, sáng tạo ra những cụm từ mang tính thành ngữ mới hoặc những cách dùng mới mang sắc thái biểu cảm cao nhằm thể hiện tốt nhất hiệu quả của lời nói mà một thành ngữ điển hình luôn hướng tới.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những “hạt sạn” trên con đường “thành ngữ hóa” của cụm từ mang tính thành ngữ. Chính sự tùy tiện trong cách sáng tạo và sử dụng của một số cụm từ mang tính thành ngữ như hiện nay đã cho ra đời những đơn vị từ vựng mang nặng dấu ấn cá nhân, chưa có tính khái quát cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của một thành ngữ điển hình (các cụm từ chỉ mới dừng lại ở việc làm mới hình thức diễn đạt chứ chưa đạt tới giá trị tu từ làm tiếng Việt thêm giàu và đẹp). Nên chăng, có những định hướng nhất định trong việc sử dụng cụm từ mang tính thành ngữ mới trên báo chí, không nên dùng một cách tràn lan, kể cả trên một số báo đặc thù. Bởi khi đã được dùng chính thức trên báo chí, người ta cứ theo đó mà sử dụng và còn “vô tư” sáng tạo thêm những cụm từ mãi mãi chỉ “mang tính thành ngữ”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh, *Từ điển Hán Việt*, (Tái bản năm 2005, bản lần đầu năm 1932), Nxb VHTT, H., 2005.
2. Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb GD, H., 1999.
3. Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 1988.
4. Hoàng Văn Hành, *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ Việt Nam*, Nxb KHXH, H., 1994.
5. Hoàng Văn Hành, *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb KHXH, H.
6. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến, *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb GD, H., 1997.
7. Nguyễn Lân, *Từ điển Thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb Văn hoá, H., 1989.
8. Nguyễn Lực, Lương Văn Đăng, *Thành ngữ tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 1978.
9. Nguyễn Như Ý, *Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 1995.
10. Nguyễn Quảng Tuân - Nguyễn Đức Dân, *Từ điển các từ tiếng Việt gốc Pháp*, Hội nghiên cứu và giảng dạy văn học Tp HCM., 1992.
11. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb ĐH&THCN, H., 1985.
12. Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành, Nguyễn Như Ý, *Từ điển thành ngữ Việt Nam*, Nxb Văn hoá, H., 1993.
13. Vũ Dung, Vũ Thúy Anh, Vũ Quang Hào, *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb Văn hóa, H., 1995.

SUMAMRY

In recent years, there have had new phrases which are considered idiomatic and possibly placed between idioms and loose phrases in Vietnamese. These phrases are not stable in structure and carry fewer idiomatic meanings than true idioms but actual uses they can express topical issues. To reveal the trends in how the new idiomatic phrases are created and used in press, we collected the data for this study from a variety of newspapers published since 2000 to present and then analyzed them from the following perspectives: 1) Forms: numbers of syllables in the structure of the idiomatic phrases. 2) Compositional mechanism of the phrases: direct comparison or hidden comparison (metaphoric description). 3) Origins: pure Vietnamese elements or borrowed ones (Indo-European, Sino-Vietnamese). 4) Types of structure: adding or reducing elements, using available structures in the language such as A is like B, (A) is like B, A1B1A2B2, and so on; 5) Frequencies of new idiomatic phrases.

